CTCP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (UPCOM: MDF)

FireAnt

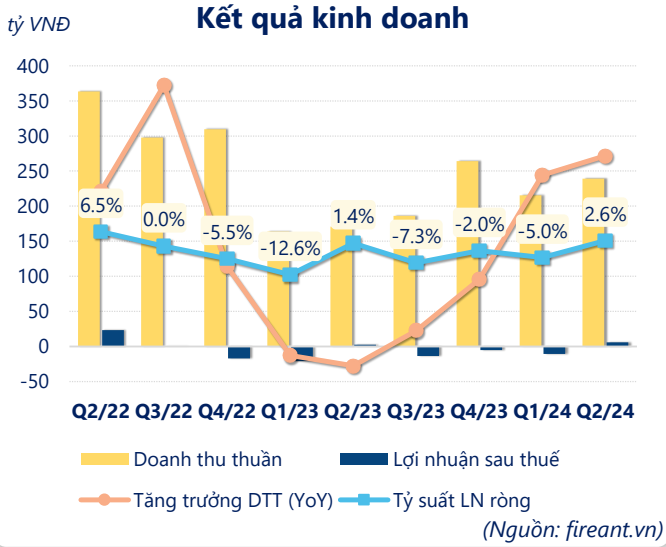
Ngày 28/06/2024	8,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-13.0%	-8.0%	-23.1%

ROE (Q2/24): -3.7% | +/- YoY ▲ 1.6%

	Q2/24	QoQ	YoY
DT thuần	239 tỷ VNĐ	▲ 24.0 ▲ 11.3%	▲ 68.0 ▲ 40.0%
LN gộp	28.3 tỷ VNĐ	▲ 12.4 ▲ 77.9%	▼ 1.20 ▼ 4.1%
LN thuần	1.27 tỷ VNĐ	▲ 12.4 ▲ 111%	▼ 1.00 ▼ 44.2%
LN sau thuế	6.10 tỷ VNĐ	▲ 16.8 ▲ 157%	▲ 3.75 ▲ 160%

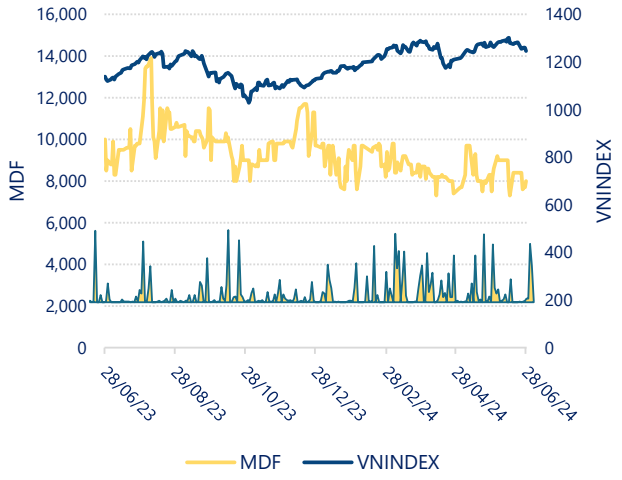
	6T 2024	YoY
DT thuần	455 tỷ VNĐ	▲ 121 ▲ 35.9%
LN gộp	44.1 tỷ VNĐ	▲ 10.5 ▲ 31.6%
LN thuần	-9.79 tỷ VNĐ	▲ 8.51 ▲ 46.5%
LN sau thuế	-4.64 tỷ VNĐ	▲ 13.7 ▲ 74.7%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

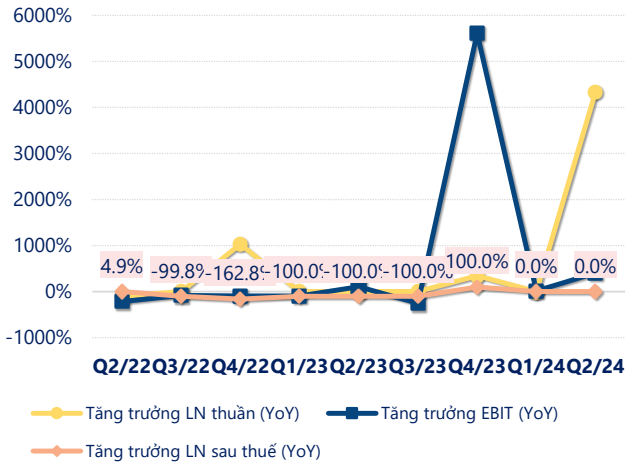
Lịch sử giá



CTCP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (UPCOM: MDF)

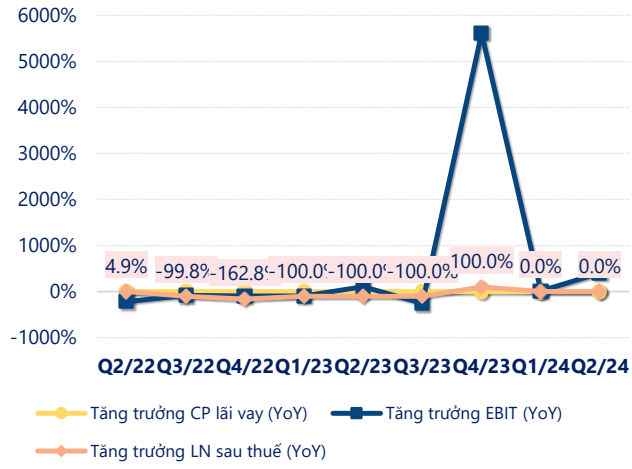
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



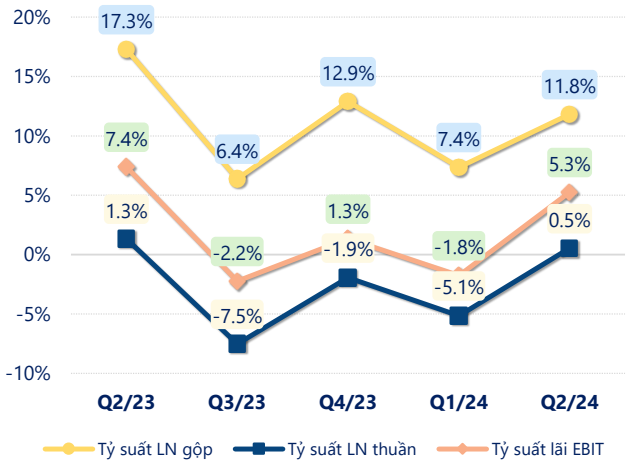
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



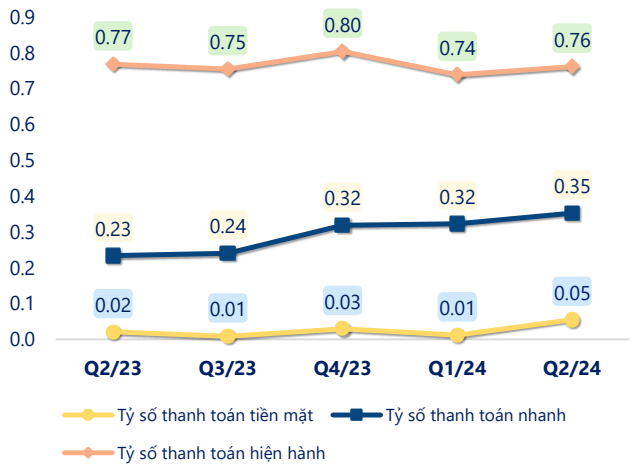
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



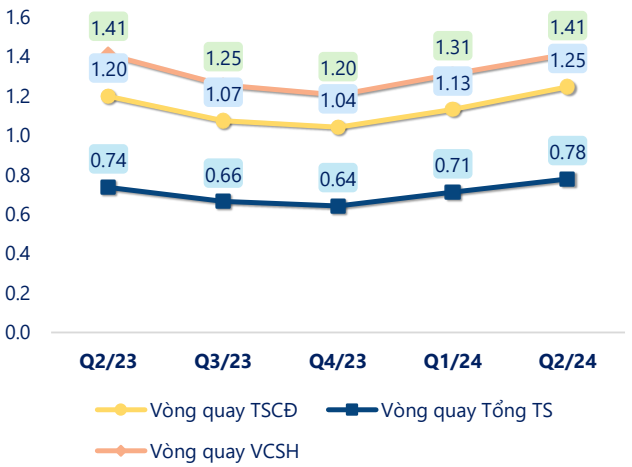
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



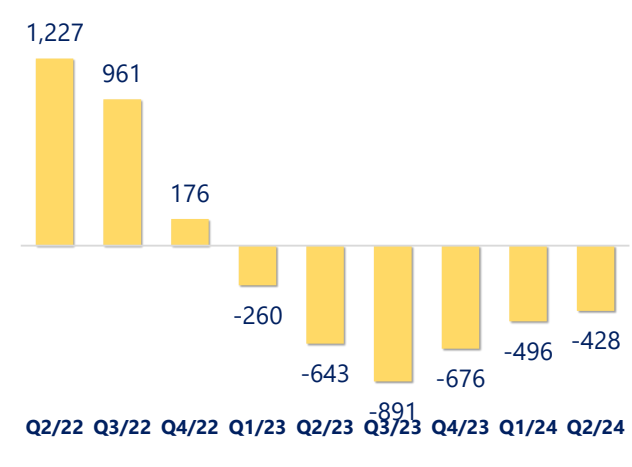
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

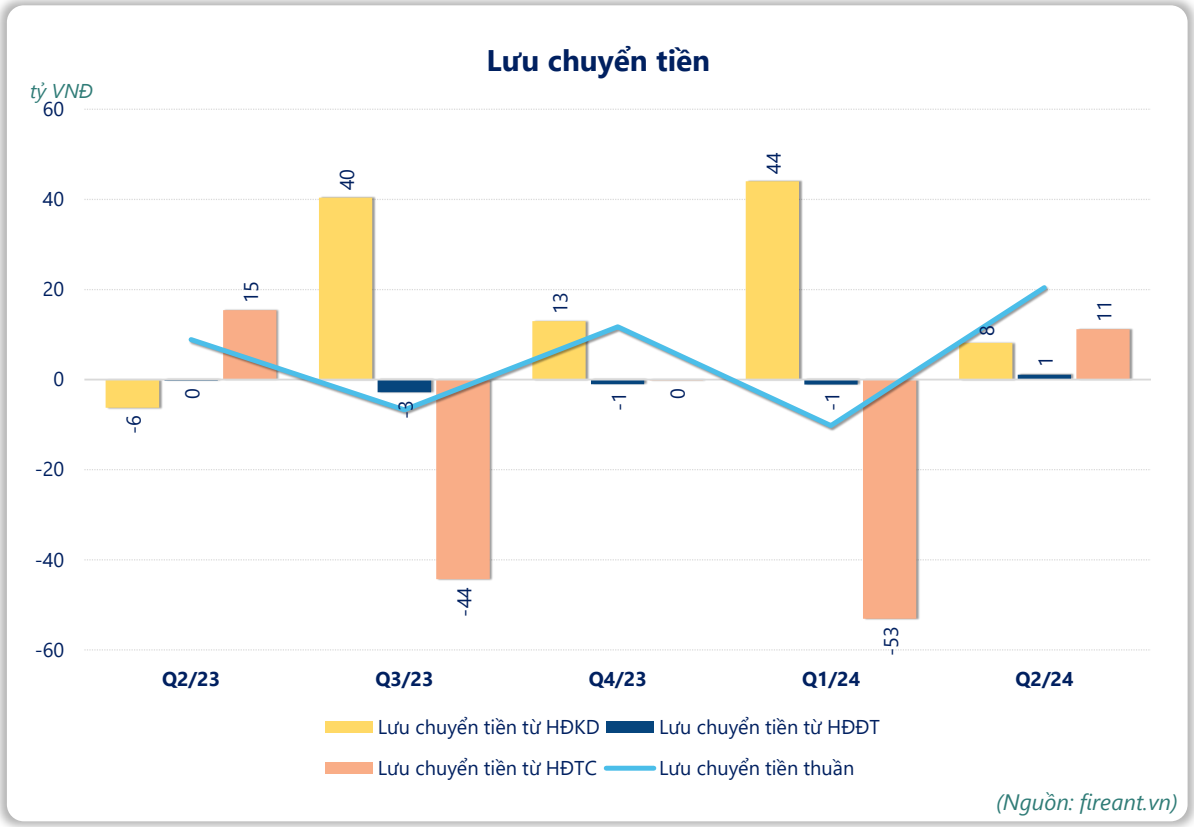


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (UPCOM: MDF)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**239**	**171**	**40.0%**	**455**	**334**	**35.9%**
Giá vốn hàng bán	211	141	49.7%	410	301	36.4%
Lợi nhuận gộp	28.3	29.5	-4.1%	44.1	33.6	31.6%
Doanh thu HĐTC	1.49	0.57	161%	2.84	0.75	279%
Chi phí TC	6.58	10.3	-36.1%	13.6	19.6	-30.5%
Chi phí lãi vay	6.48	10.3	-37.1%	13.4	19.5	-30.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	17.5	15.8	10.8%	35.3	27.8	26.9%
Chi phí QLDN	**4.42**	**1.72**	**157%**	**7.88**	**5.23**	**50.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.27	2.27	-44.2%	-9.79	-18.3	46.5%
Lợi nhuận khác	**4.84**	**0.08**	**5948%**	**5.15**	**0.01**	**70235%**
LN trước thuế	6.10	2.35	160%	-4.64	-18.3	74.7%
Lợi nhuận sau thuế	**6.10**	**2.35**	**160%**	**-4.64**	**-18.3**	**74.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.10**	**2.35**	**160%**	**-4.64**	**-18.3**	**74.7%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)